

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Nguyễn Gia Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 25/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992 “có mặt”;

- Bị đơn: Anh Bạch Thanh T, sinh năm 1990 “có mặt”;

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim H tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

- *Về hôn nhân:* **chị H** và anh Bạch Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm đầu sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, bia, có hành vi bạo lực với **chị H**, mặc dù vợ chồng cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân. Nay, **chị H** xác định cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên **chị H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng **chị H** có 01 người con chung là Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014. Khi ly hôn **chị H** yêu cầu được nuôi con. Tại phiên tòa, **chị H** không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong thời gian chung sống **chị H** trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn anh Bạch Thanh T tại phiên tòa như sau*:

- *Về hôn nhân*: anh T thống nhất với lời trình bày của **chị H** về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi uống rượu, bia về có hành vi bạo lực với **chị H** làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2020 đến nay. Tại phiên tòa, anh T xác định cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đồng ý ly hôn với **chị H**.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh T có 01 người con chung người con chung là Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014. Tại phiên tòa, anh T đồng ý giao con chung Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014 cho **chị H** trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong thời gian chung sống anh T và **chị H** không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho **chị H** được ly hôn anh T. Giao con chung cho **chị H** trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bạch Thanh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh T cư trú tại xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoa và anh Bạch Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống **chị H** và anh T hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, bia; anh T có hành vi bạo lực **chị H** nên **chị H** và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Tại phiên tòa, **chị H** xác định cuộc sống hôn nhân giữa **chị H** và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên **chị H** yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh T, tại phiên tòa anh T cũng xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đồng ý ly hôn với **chị H**. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống **chị H** và anh T có 01 người con chung tên là Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014. Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự thống nhất thỏa thuận, giao con chung tên là Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014 cho **chị H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn giao con cho **chị H** kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, các đương sự xác định trong thời gian sống chung không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Hoa phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí **chị H** đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoa và anh Bạch Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bạch Thanh P, sinh ngày 30/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Hoa trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho **chị H** kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), **chị H** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng **chị H** đã nộp theo biên lai thu số 0019269 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công